TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 189/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 12 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hữu Khánh.

2. Ông Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lê Bảo A, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2017 và các lời khai tại Tòa án, chị Bùi Thị Thanh T (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Bảo A kết hôn vào ngày 16 tháng 7 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Bảo A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nhả Q, sinh ngày 09/01/2010, hiện tại cháu Lê Nhả Q đang sống với anh Lê Bảo A. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Lê Nhả Q, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Bảo A, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị T nhưng anh Lê Bảo A không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh Lê Bảo A tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh Lê Bảo A vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Bảo A tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Lê Bảo A vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Bảo A theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị T và anh Lê Bảo A kết hôn vào ngày 16 tháng 7 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh Lê Bảo A, với những nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và anh Lê Bảo A không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử anh Lê Bảo A không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại Tòa án để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của chị T, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho anh. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Lê Bảo A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh Lê Bảo A là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh Lê Bảo A có 01 con chung tên Lê Nhả Q, sinh ngày 09/01/2010, hiện tại cháu Lê Nhả Q đang sống với anh Lê Bảo A. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi cháu Lê Nhả Q, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay chị T thống nhất giao con cho anh Lê Bảo A nuôi dưỡng. Xét thấy, từ ngày sống ly thân cho đến nay con do anh Lê Bảo A nuôi dưỡng cũng đã ổn định, sức khỏe vẫn phát triển bình thường. Do đó giao cháu Lê Nhả Q cho anh Lê Bảo A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao

cháu Lê Nhả Q cho anh Lê Bảo A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh Lê Bảo A không có ý kiến về việc yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả*: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Lê Bảo A cũng không có ý kiến về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh T.

[1] *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Bảo A.

[2] *Về con chung*: Giao cháu Lê Nhả Q, sinh ngày 09/01/2010 cho anh Lê Bảo A tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị Bùi Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Buộc chị Bùi Thị Thanh T phải chịu số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền chị T dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003788 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Bùi Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo bản án của anh Lê Bảo A là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Ủy ban nhân dân xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

LÊ THỊ TRÚC HẰNG